

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09-10-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Nga.
2. Ông Dương Hoàng Phong.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019; về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị S, sinh năm 1981. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã A, huyện H, tỉnh ĐT. Có mặt.
2. Bị đơn: Anh La Mai T, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã A, huyện H, tỉnh ĐT. Vắng mặt.
3. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1950. Địa chỉ cư trú: ấp B, xã A, huyện H, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/6/2019, trong quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Võ Thị S, trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T cưới nhau vào năm 1999, không nhớ ngày tháng, vợ chồng cưới nhau do quen biết trước nhưng không có đăng ký kết hôn. Vì đi làm ăn nên không đi đăng ký kết hôn. Sau khi cưới chị và anh T cất nhà ở riêng. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu

thuần. Nguyên nhân, do con gái Minh T kết hôn được 02 ngày thì bỏ trốn nên chị và anh T cự cãi nhau, anh T đánh chị nên cha ruột chị can ngăn và la anh T. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh T không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay, vợ chồng cũng không có gặp nhau để bàn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì anh T có mâu thuẫn với cha ruột chị nên không dám đến nhà chị nhưng có mượn người đến nhà chị rước con chung Anh T về nhà. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa chị yêu cầu được ly hôn với anh La Mai T.

2. Về việc nuôi con: Chị và anh T chung sống với nhau có 02 con chung gồm con chung La Thị Minh T, sinh ngày 28/3/2001 đã trưởng thành, có khả năng lao động, tự nuôi sống mình được. Hiện tại Minh T đang đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh, cũng có gửi tiền về quê cho chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung La Thị Anh T, sinh ngày 08/5/2012 thì đang sống cùng chị từ khi chị và anh T không còn sống cho đến nay. Hiện tại chị làm thuê là giúp việc nhà và buôn bán tạp hóa cho người ta, mỗi tháng thu nhập khoảng 4.000.000đ đến 5.000.000đ, đủ để chị nuôi con chung nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Anh T và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung: Chị và anh T chung có một căn nhà, cất bằng cây gỗ tạp, lợp tôn, vách tôn, có diện tích chiều ngang 06m, chiều dài 15m, tọa lạc tại ấp B, xã A. Hiện căn nhà do anh T đang quản lý, sử dụng. Do chị thống nhất giao toàn bộ căn nhà cho anh T sở hữu, không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên khi làm đơn khởi kiện chị trình bày tài sản chung của vợ chồng là không có. Về tài sản chung chị và anh T tự thỏa thuận bên ngoài xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết cũng không yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định của Tòa án.

4. Về nợ chung: Chị và anh T chung sống không có thiếu nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng. Bị đơn anh La Mai T đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh T vẫn không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị M, trình bày: Bà là mẹ ruột của anh T, bà không có mâu thuẫn với anh T, chị S. Vợ chồng anh T cưới nhau không có tổ chức lễ cưới cũng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng anh T chung sống với nhau không có mâu thuẫn, chỉ có anh T và cha vợ có bất hòa về chuyện tiền bạc nên vợ chồng anh T có cãi nhau. Vợ chồng anh T có 02 con chung tên La Thị Minh T, sinh ngày 28/3/2001 đã trưởng thành, có khả năng lao động nuôi sống mình và con chung La Thị Anh T, sinh ngày 08/5/2012 hiện đang sống với chị S, theo bà anh T không có yêu cầu gì đối với con chung, cháu muốn sống với ai thì sống. Vợ chồng bà có cho vợ chồng anh T, chị S một căn nhà diện tích chiều ngang 4m x chiều dài 8m, kết cấu nhà gỗ, mái tôn hiện không có ai quản lý, chị S về nhà cha mẹ ruột còn

anh T ở nhà bà, vợ chồng anh T không có tranh chấp căn nhà và bà cũng không có yêu cầu gì. Nợ chung thì không có nhưng lúc làm đám cưới Minh T thì anh T có mượn bà số tiền 50.000.000đ, còn chị S cũng nợ bên gia đình chị S, không rõ nợ ai với số tiền là 23.000.000đ nhưng anh T và chị S thỏa thuận nợ của ai thì người đó tự trả, chị S, anh T và bà không có tranh chấp số nợ này. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị S và anh La Mai T, vì chị S và anh T không có đăng ký kết hôn. Về con chung La Thị Minh T, sinh ngày 28/3/2001 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không đề cập đến, còn con chung La Thị Anh T, sinh ngày 08/5/2012 đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị S được tiếp tục nuôi dưỡng, vì cháu Anh T đã sinh sống ổn định cùng chị S và có nguyện vọng sống cùng chị S, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị S không yêu cầu. Tài sản chung: Chị S và anh T tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Võ Thị S có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện HN yêu cầu ly hôn giữa chị và anh La Mai T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và anh T hiện đang cư trú tại ấp B, xã A, huyện H, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn La Mai Thành, người làm chứng bà Nguyễn Thị M đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng anh T, bà M vắng mặt, không có lý do. Tuy nhiên, bà M đã có lời khai với Tòa án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, bà M theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị S và anh La Mai T chung sống như vợ chồng từ năm 1999 và theo xác nhận ngày 03/6/2019 của Ủy ban nhân dân xã A thì chị S, anh T chưa đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chị S cho rằng anh T uống rượu về cự cãi và thường xuyên đánh chị nên chị và anh T không còn sống chung từ năm 2018 cho đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy chị S và anh T là người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị S, anh T chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì quan hệ hôn

nhân không hợp pháp, việc kết hôn không có giá trị pháp lý nhưng chị S yêu cầu ly hôn do đó Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị S và anh La Mai T theo quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc nuôi con: Đối với con chung La Thị Minh T, sinh ngày 28/3/2001 đã trưởng thành, có khả năng tự lao động, sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Đối với con chung La Thị Anh T, sinh ngày 08/5/2012 hiện đang sống cùng chị S ổn định từ năm 2018 cho đến nay và con chung Anh T có nguyện vọng chung sống cùng chị S và phù hợp với lời khai người làm chứng bà Nguyễn Thị M. Nghĩ nên tiếp tục giao con chung Anh T cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh La Mai T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị S tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Về chia tài sản chung: Chị Võ Thị S trình bày chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[8] Về nợ chung: Chị Võ Thị S trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên nhân dân huyện Hồng Ngự có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Võ Thị S chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0000872 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1, 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Thị S và anh La Mai T.

2. Về việc nuôi con:

2.1. Con chung La Thị Minh T, sinh ngày 28/3/2001 đã trưởng thành, có khả năng tự lao động, sinh sống được.

2.2 Giao con chung La Thị Anh T, sinh ngày 08/5/2012 cho chị Võ Thị S được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.3 Anh La Mai T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị S tự nguyện không yêu cầu.

2.4 Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị S chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0000872 ngày 26/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/10/2019), đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dung